

Số: 463 /KH-UBND

Đắk Nông, ngày 16 tháng 7 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Thực hiện Quyết định số 1826/QĐ-BNN-KL ngày 20/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch kiểm kê rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh, như sau:

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THỰC HIỆN**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên;
- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;
- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;
- Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;
- Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;
- Quyết định số 1826/QĐ-BNN-KL ngày 20/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch kiểm kê rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên;
- Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm Lâm về

việc ban hành Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng;

- Căn cứ các văn bản khác có liên quan.

## **2. Tài liệu thực hiện**

- Bản đồ và số liệu hiện trạng rừng hàng năm được UBND các cấp phê duyệt, công bố theo quy định và ranh giới giao đất, giao rừng, cho thuê rừng cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh;

- Bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trong Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Bản đồ, tài liệu về ranh giới, địa giới hành chính;

- Bản đồ, số liệu thống kê, kiểm kê đất đai các cấp được cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Hồ sơ pháp lý giao đất, giao rừng và các tài liệu, bản đồ khác có liên quan.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Xác định được toàn diện về hiện trạng diện tích rừng, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp chưa có rừng theo đơn vị hành chính và chủ rừng.

- Đánh giá tình hình biến động diện tích rừng, trữ lượng rừng theo đơn vị hành chính so với số liệu theo dõi diễn biến rừng để giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng, phát triển rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp chưa có rừng một cách hiệu quả, bền vững.

- Xác định diện tích bị chồng lấn về chủ quản lý rừng; rừng nghèo kiệt phân bố manh mún trong vùng quy hoạch bố trí dân di cư tự do, nhằm tạo thêm quỹ đất để triển khai cơ chế, chính sách về bố trí, ổn định dân cư, đặc biệt là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo.

- Cập nhật, bổ sung, chuẩn hóa và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng, hồ sơ quản lý rừng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về lâm nghiệp; là cơ sở để theo dõi diễn biến rừng những năm tiếp theo và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Phân định, hiệu chỉnh ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô trên bản đồ để phù hợp với ranh giới hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng.

### **2. Yêu cầu**

- Thực hiện điều tra, kiểm kê rừng theo quy định tại Điều 33, 34 Luật

Lâm nghiệp năm 2017 và Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

- Công tác điều tra, kiểm kê rừng hoàn thành đúng tiến độ, có chất lượng và hiệu quả; số liệu điều tra, kiểm kê rừng phải khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực tế, phù hợp giữa kết quả kiểm kê rừng và ngoài thực địa.

- Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện kiểm kê rừng. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện.

- Kết quả, sản phẩm điều tra, kiểm kê rừng rừng đảm bảo theo quy định.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

#### **1. Phạm vi**

Việc kiểm kê rừng thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, cụ thể:

- Kiểm kê diện tích rừng, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon của rừng tự nhiên, rừng trồng thuộc quy hoạch lâm nghiệp<sup>1</sup> và rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

- Kiểm kê diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp chưa có rừng.

#### **2. Đối tượng**

- Theo chủ rừng: Chủ rừng theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Điều 1 Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Theo mục đích sử dụng rừng: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*) ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

### **IV. NỘI DUNG, QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Nội dung**

##### **a) Kiểm kê theo trạng thái**

- Kiểm kê diện tích, trữ lượng rừng tự nhiên, rừng trồng.

- Kiểm kê đất quy hoạch lâm nghiệp chưa có rừng.

##### **b) Kiểm kê theo chủ quản lý**

- Chủ quản lý rừng thuộc nhóm I, gồm: Hộ gia đình, cá nhân trong nước; Cộng đồng dân cư được giao rừng, thuê rừng; UBND cấp xã.

- Chủ quản lý rừng nhóm II, gồm: Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản

---

<sup>1</sup> Theo bản đồ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

lý rừng phòng hộ; Tổ chức kinh tế; Đơn vị vũ trang; Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất.

### **c) Kiểm kê theo mục đích sử dụng**

- Kiểm kê rừng đặc dụng, gồm: Vườn quốc gia; Khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan; Khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học...

- Kiểm kê rừng phòng hộ, gồm: Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới ....

- Kiểm kê rừng sản xuất.

- Kiểm kê rừng (*rừng tự nhiên, rừng trồng*) ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

### **d) Phân định, hiệu chỉnh ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô trên bản đồ**

Trên cơ sở kết quả điều tra, kiểm kê rừng thực hiện phân định, hiệu chỉnh ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô trên bản đồ theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng.

## **2. Quy trình và phương pháp thực hiện**

### **2.1. Xây dựng bản đồ, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng**

#### **2.1.1. Tiếp nhận kết quả giải đoán ảnh viễn thám**

Tiếp nhận kết quả giải đoán ảnh viễn thám phân loại trạng thái rừng theo mẫu khóa ảnh (*không bao gồm kết quả điều tra trữ lượng rừng*) từ Cục Kiểm lâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Theo Kế hoạch kiểm kê rừng tại các tỉnh vùng Tây Nguyên ban hành kèm Quyết định số 1826/QĐ-BNN-KL ngày 20/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

#### **2.1.2. Tổ chức điều tra trữ lượng rừng và xây dựng tài liệu phục vụ kiểm kê rừng**

##### **a) Nội dung thực hiện:**

- Điều tra trữ lượng gỗ của rừng tự nhiên và rừng trồng;
- Điều tra trữ lượng tre nứa của rừng tự nhiên và rừng trồng;
- Điều tra trữ lượng gỗ và trữ lượng tre nứa của rừng hỗn giao gỗ - tre nứa.

##### **b) Phương pháp thực hiện:**

- Thu thập số liệu từ kết quả điều tra hệ thống chòm ô của dự án Điều tra, đánh giá giám sát tài nguyên rừng quốc gia;
- Lập các ô tiêu chuẩn ngoài thực địa được bố trí ngẫu nhiên hoặc theo hệ thống;
- Tại thực địa vị trí các ô tiêu chuẩn tiến hành đo đếm các chỉ tiêu lâm học

(đường kính thân cây tại vị trí 1,3 mét, chiều cao vút ngọn, tên loài cây, phẩm chất cây) trong phạm vi ô tiêu chuẩn;

- Nhập số liệu điều tra vào máy tính, tính toán các chỉ tiêu về trữ lượng cho từng ô tiêu chuẩn đo đếm;

- Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để xử lý, phương pháp thống kê toán học tính toán trữ lượng rừng.

Công thức tính toán trữ lượng rừng thực hiện theo Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm lâm về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng.

### **2.1.3. Tính toán trữ lượng các-bon rừng**

Phương pháp, công thức tính toán trữ lượng các-bon rừng thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 145/QĐ-KL-CĐS ngày 18/6/2024 của Cục Kiểm lâm, về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật điều tra rừng.

### **2.1.4. Phân định ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô trên bản đồ**

- Tiểu khu có diện tích khoảng 1.000 ha, trong cùng đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Thứ tự tiểu khu được ghi số bằng chữ số Ả Rập trong phạm vi của tỉnh, từ tiểu khu số 1 đến tiểu khu cuối cùng (ví dụ: Tiểu khu 1, Tiểu khu 2).

- Khoảnh có diện tích khoảng 100 ha, trong cùng đơn vị hành chính cấp xã. Thứ tự khoảnh được ghi số bằng chữ số Ả Rập, từ khoảnh 1 đến khoảnh cuối cùng, trong phạm vi từng tiểu khu (ví dụ: Khoảnh 1, Khoảnh 2).

- Lô có diện tích khoảng 10 ha, có trạng thái rừng hoặc đất lâm nghiệp tương đối đồng nhất, cùng địa bàn trong cấp xã. Thứ tự lô được ghi số bằng chữ số Ả Rập, từ lô 1 đến lô cuối cùng, trong phạm vi từng khoảnh (ví dụ: Lô 1, Lô 2).

- Số thứ tự của tiểu khu, khoảnh, lô được ghi số theo trình tự từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, trường hợp được bổ sung thì bên cạnh tiểu khu, khoảnh, lô gốc bổ sung ký hiệu A, B, C.

- Thuyết minh, thể hiện rõ bản đồ, diện tích chuyển đổi giữa số tiểu khu cũ sang số tiểu khu mới.

### **2.1.5. Lòng ghép ranh giới các chủ quản lý rừng vào bản đồ kết quả điều tra rừng**

- Rà soát chuẩn hóa, thống nhất ranh giới các chủ quản lý rừng trên địa bàn tỉnh phù hợp với hồ sơ pháp lý giao đất thuê đất, giao rừng thuê rừng.

- Lòng ghép lên bản đồ kết quả điều tra rừng toàn tỉnh để làm cơ sở biên tập bản đồ bàn giao cho các chủ rừng thực hiện kiểm kê rừng.

## **2.2. Sản phẩm điều tra rừng, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng**

- Sản phẩm điều tra phục vụ kiểm kê rừng của chủ rừng nhóm I:

- + Bản đồ hiện trạng phục vụ kiểm kê rừng in trên nền ảnh vệ tinh tỷ lệ 1/10.000 cấp xã;
- + Bản đồ hiện trạng phục vụ kiểm kê rừng tỷ lệ 1/10.000 cấp xã (dạng số);
- + Danh sách các lô rừng của từng xã cho chủ rừng nhóm I.
- Sản phẩm điều tra phục vụ kiểm kê rừng của chủ rừng nhóm II:
- + Bản đồ hiện trạng phục vụ kiểm kê rừng tỷ lệ 1/10.000 của chủ rừng (dạng số);
- + Danh sách các lô rừng của chủ rừng nhóm II.
- Các sản phẩm trung gian của điều tra phục vụ kiểm kê rừng:
- + Báo cáo kết quả rút mẫu ô đo đếm;
- + Biểu tổng hợp các chỉ tiêu trữ lượng rừng cho cấp tỉnh;
- + Báo cáo kết quả giải đoán ảnh vệ tinh xây dựng bản đồ hiện trạng rừng; tư liệu ảnh vệ tinh;
- + Hệ thống các phiếu điều tra;
- + Hệ thống biểu thành quả điều tra rừng;
- + Hệ thống bản đồ thành quả hiện trạng rừng;
- + Báo cáo kết quả điều tra phục vụ kiểm kê rừng.

### **2.3. Kiểm kê rừng**

- Chủ rừng nhóm I: Trên cơ sở tài liệu được xây dựng từ công tác điều tra rừng, chủ rừng kiểm tra, đối chiếu diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng và kê khai bổ sung vào phiếu kiểm kê. Kết quả kiểm kê rừng của chủ rừng, gồm: Phiếu kiểm kê (*đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, diện tích UBND cấp xã quản lý*), bản đồ kiểm kê (*bản đồ giấy và bản đồ số*) và biểu tổng hợp danh sách các lô rừng đã được điều chỉnh phù hợp với thực địa.

- Chủ rừng nhóm II: Rà soát ranh giới lô trạng thái rừng và đất lâm nghiệp của chủ rừng; hiệu chỉnh ranh giới các lô trạng thái rừng nếu có sai khác so với thực địa. Bổ sung và chỉnh sửa thông tin cho lô rừng về đặc điểm lô rừng vào biểu danh sách các lô rừng. Kết quả kiểm kê rừng của chủ rừng nhóm II, gồm: Bản đồ kiểm kê (*bản đồ giấy và bản đồ số*) và biểu tổng hợp danh sách các lô rừng đã được điều chỉnh phù hợp với thực địa.

### **2.4. Tổng hợp kết quả kiểm kê rừng**

Số liệu kiểm kê rừng cấp xã được tổng hợp từ các chủ rừng, số liệu cấp huyện, tỉnh được tổng hợp từ số liệu các đơn vị hành chính, các biểu kiểm kê rừng.

### **2.5. Lập hồ sơ quản lý rừng**

- Sau khi kết quả kiểm kê rừng được nghiệm thu, tiến hành lập Hồ sơ

quản lý rừng cho từng chủ rừng và cấp hành chính để phục vụ cho công tác quản lý ngành lâm nghiệp; nguồn thông tin đầu vào phục vụ theo dõi diễn rừng và diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp chưa có rừng hàng năm sau khi kiểm kê.

- Hồ sơ quản lý rừng bao gồm dạng số và dạng giấy (*số liệu, bản đồ hiện trạng, diện tích, trữ lượng rừng, trữ lượng các-bon rừng và bản đồ kèm theo thể hiện đến lô quản lý*) và các tài liệu liên quan sẽ được cập nhật bổ sung trong quá trình quản lý.

- Hồ sơ quản lý rừng:

+ Chủ rừng nhóm I lập hồ sơ quản lý rừng đối với diện tích quản lý; hồ sơ được quản lý, lưu trữ tại chủ rừng và Hạt Kiểm lâm cấp huyện;

+ Chủ rừng nhóm II lập hồ sơ quản lý rừng đối với diện tích đơn vị quản lý; hồ sơ được quản lý, lưu trữ tại chủ rừng và Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh;

+ UBND cấp xã lập hồ sơ quản lý rừng cấp xã; hồ sơ được quản lý, lưu trữ tại UBND cấp xã và Hạt Kiểm lâm cấp huyện;

+ UBND cấp huyện lập hồ sơ quản lý rừng cấp huyện; hồ sơ được quản lý, lưu trữ tại UBND cấp huyện và Chi cục Kiểm lâm;

+ Chi cục Kiểm lâm lập hồ sơ quản lý rừng cấp tỉnh và quản lý lưu trữ tại Chi cục Kiểm lâm.

## **2.6. Nghiệm thu, phê duyệt kết quả kiểm kê rừng**

- Nghiệm thu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu kiểm kê rừng cấp huyện và chủ rừng nhóm II. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức nghiệm thu kết quả kiểm kê rừng cấp xã.

- Phê duyệt: Chủ rừng nhóm I xác nhận kết quả kiểm kê rừng và hồ sơ quản lý rừng của chủ rừng nhóm I; Chủ rừng nhóm II xác nhận kết quả kiểm kê rừng và hồ sơ quản lý rừng của chủ rừng nhóm II; UBND cấp xã, UBND cấp huyện, UBND cấp tỉnh phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn.

## **V. SẢN PHẨM KIỂM KÊ RỪNG**

1. Báo cáo kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Hệ thống bản đồ: Bản đồ kết quả kiểm kê rừng cấp xã, huyện, tỉnh và chủ rừng nhóm II quy định Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

3. Hệ thống biểu số liệu: Hệ thống biểu tổng hợp kết quả kiểm kê rừng theo cấp hành chính quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

4. Hồ sơ quản lý rừng theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng và Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

## **VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Năm 2024**

- Ban hành Kế hoạch kiểm kê rừng;
- Xây dựng, phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí dự án điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh;
- Bố trí kinh phí để thực hiện;
- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện điều tra, kiểm kê rừng.

### **2. Năm 2025**

- Tổ chức điều tra rừng và xây dựng bản đồ, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng;
- Bàn giao kết quả điều tra rừng và bản đồ, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng cho các đơn vị liên quan thực hiện kiểm kê rừng;
- Thực hiện kiểm kê rừng các cấp;
- Tổng hợp kết quả kiểm kê rừng, nghiệm thu, báo cáo, phê duyệt kết quả kiểm kê rừng các cấp hành chính.

*(Chi tiết thời gian tại biểu kèm theo)*

## **VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Nguồn kinh phí**

Do ngân sách Nhà nước đảm bảo từ nguồn sự nghiệp kinh tế và nguồn kinh phí hợp pháp khác *(nếu có)*.

Ngân sách địa phương: Chi thực hiện các hoạt động về điều tra rừng trên thực địa để xác định diện tích, trữ lượng, trạng thái rừng; tổ chức kiểm kê rừng đến từng chủ rừng, tổng hợp và công bố kết quả kiểm kê rừng của tỉnh.

### **2. Xác định kinh phí thực hiện**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí điều tra, kiểm kê rừng *(đối với nội dung cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện)* và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt thực hiện theo quy định.

- UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm kê rừng cấp huyện, kinh phí hỗ trợ kiểm kê rừng đối với



chủ rừng nhóm I.

- Chủ rừng nhóm II quản lý diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ báo cáo, đề xuất cấp thẩm quyền bố trí kinh phí kiểm kê rừng hoặc sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

- Chủ rừng nhóm II quản lý diện tích rừng sản xuất tự bố trí kinh phí của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện kiểm kê rừng theo quy định.

## VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan đầu mối có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, phối hợp, kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Tiếp nhận và kiểm tra bản đồ phân loại rừng theo mẫu khóa ảnh (*không bao gồm kết quả điều tra trữ lượng rừng*) từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo, tổ công tác điều tra, kiểm kê rừng cấp tỉnh.

- Khái toán tổng kinh phí thực hiện điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh (*đối với nội dung cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện*) gửi Sở Tài Chính kịp thời tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán Ngân sách để thực hiện.

- Hợp đồng thuê tư vấn chuyên ngành lập đề cương, dự toán kinh phí dự án điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh; trình UBND tỉnh xem xét, quyết định làm cơ sở thực hiện.

- Thực hiện thủ tục đấu thầu, lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện dự án điều tra, kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp đơn vị tư vấn tổng hợp bản đồ ranh giới (*dạng số*) quản lý theo hồ sơ pháp lý giao đất, cho thuê đất các đơn vị chủ rừng nhóm II và nhóm I; phối hợp Sở Tài Nguyên và Môi trường, đơn vị liên quan quan thống nhất, xử lý nội dung về ranh giới đất được giao, cho thuê tại các chủ quản lý rừng trong trường hợp xảy ra chồng lấn hoặc không xác định được chủ quản lý.

- Hướng dẫn, hỗ trợ về kỹ thuật và kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm kê rừng của các đơn vị; phối hợp Cục Kiểm lâm, đơn vị tư vấn tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê rừng.

- Bàn giao kết quả điều tra rừng, bản đồ, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng cho các địa phương, đơn vị để thực hiện kiểm kê rừng.

- Tham mưu tổ chức nghiệm thu kết quả kiểm kê rừng cấp huyện và chủ rừng nhóm II; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở Kế hoạch kiểm kê rừng được phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện điều tra rừng, kiểm kê rừng theo quy định.

### 3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp các hồ sơ, tài liệu, bản đồ dạng số về kết quả kiểm kê, thống kê đất đai gần nhất, bản đồ kèm theo quyết định giao đất, cho thuê đất của các tổ chức sử dụng vào mục đích lâm nghiệp trong tháng 10/2024.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị liên quan thống nhất, xử lý nội dung về ranh giới đất được giao, cho thuê tại các chủ quản lý rừng trong trường hợp xảy ra chồng lấn hoặc không xác định được chủ quản lý.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, kiểm kê rừng tại các khu vực biên giới, đất quốc phòng.

### 5. UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Dự toán kinh phí kiểm kê rừng theo quy định để thực hiện nhiệm vụ kiểm kê rừng cấp huyện, kinh phí hỗ trợ kiểm kê rừng đối với chủ rừng nhóm I<sup>2</sup>.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm kê rừng trên địa bàn huyện, thành phố theo phân cấp ngân sách.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, chuẩn hóa hệ thống ranh giới chủ quản lý rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, diện tích UBND cấp xã quản lý theo đúng hồ sơ pháp lý giao đất, giao rừng. Hoàn thành gửi báo cáo, bản đồ số và tài liệu liên quan về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tháng 10/2024.

- Thành lập Ban chỉ đạo, tổ công tác kiểm kê rừng cấp huyện và chỉ đạo thành lập tổ kiểm kê rừng cấp xã.

- Tiếp nhận kết quả điều tra rừng, bản đồ, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã kiểm kê cả diện tích có rừng tự nhiên, rừng trồng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

- Chỉ đạo, lập kế hoạch cụ thể, thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương phù hợp nội dung, tiến độ theo Kế hoạch này.

<sup>2</sup> Tại Điều 34 Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: “4. Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện kiểm kê rừng và chịu sự kiểm tra của cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp tỉnh đối với chủ rừng là tổ chức; hoặc cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp cấp huyện đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kê khai số liệu kiểm kê rừng theo biểu mẫu quy định và chịu trách nhiệm về nội dung kê khai. 5. Cơ quan chuyên ngành về lâm nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ về kỹ thuật và kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm kê rừng; hỗ trợ kinh phí kiểm kê rừng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư”.

- Hướng dẫn, hỗ trợ về kỹ thuật và kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm kê rừng của các chủ rừng nhóm I.

- Tổ chức nghiệm thu kết quả kiểm kê rừng cấp xã, tổng hợp số liệu kiểm kê rừng cấp huyện, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phê duyệt kết quả kiểm kê rừng cấp huyện.

#### 6. Các đơn vị chủ rừng là tổ chức


- Rà soát chính xác bản đồ ranh giới quản lý theo hồ sơ pháp lý giao đất, cho thuê đất, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xây dựng tài liệu, bản đồ phục vụ kiểm kê rừng. Hoàn thành gửi báo cáo, bản đồ số và tài liệu liên quan trong tháng 10/2024.

- Phối hợp với đơn vị liên quan trong quá trình điều tra rừng tại lâm phần quản lý.

- Chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, thiết bị và điều kiện cần thiết để thực hiện công tác kiểm kê rừng.

- Tiếp nhận kết quả điều tra rừng, bản đồ, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng.

- Bố trí kinh phí của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác hoặc đề xuất cấp thẩm quyền bố trí kinh phí (*đối với chủ rừng quản lý diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ*) và thực hiện kiểm kê rừng, lập hồ sơ quản lý rừng trên diện tích quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm kê rừng trên diện tích quản lý; báo cáo kết quả kiểm kê rừng về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Lãnh đạo các đơn vị chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý./. 

#### Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các đơn vị lực lượng vũ trang;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- Các đơn vị chủ rừng (giao Sở Nông nghiệp và PTNT sao gửi);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(Thị).

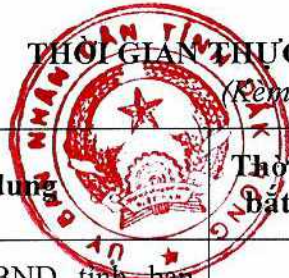
(đề b/c)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**

**PHỤ LỤC**  
**THỜI GIẠN THỰC HIỆN ĐIỀU TRA, KIỂM KÊ RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
(Rem theo Kế hoạch số: **463** /KH-UBND ngày **16** tháng 7 năm 2024)



TT	Nội dung	Thời gian bắt đầu	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Ghi chú
1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng	21/6/2024	Trước 15/7/2024	Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; đơn vị liên quan.	Ban hành Kế hoạch điều tra, kiểm kê rừng.	
2	Khái toán kinh phí dự kiến thực hiện, đề xuất bố trí kinh phí	Tháng 7/2024	Tháng 8/2024	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; các chủ rừng nhóm II quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.	Sở Tài Chính.	Văn bản đề xuất bố trí kinh phí.	
3	Xây dựng, phê duyệt đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí dự án điều tra, kiểm kê rừng cấp tỉnh	Tháng 8/2024	Tháng 10/2024	Đơn vị tư vấn; Sở Nông nghiệp và PTNT.	Sở Tài Chính; đơn vị liên quan.	Quyết định phê duyệt đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí điều tra, kiểm kê rừng cấp tỉnh.	Thực hiện sau khi Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng được ban hành.
4	Xây dựng dự toán kinh phí kiểm kê rừng cấp huyện.	Tháng 8/2024	Tháng 9/2024	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.	Sở Tài Chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; đơn vị liên quan.	Văn bản phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí.	
5	Chủ rừng nhóm II quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng xây dựng đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí kiểm kê rừng và đề xuất cấp thẩm quyền bố trí kinh phí kiểm kê rừng hoặc sử	Tháng 8/2024	Trước 30/9/2024	Chủ rừng nhóm II quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.	Sở Tài Chính; Sở Nông nghiệp và PTNT; đơn vị liên quan.	Báo cáo xây dựng đề cương kỹ thuật, dự toán kinh phí kiểm kê rừng; Văn bản báo cáo, đề xuất.	

TT	Nội dung	Thời gian bắt đầu	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Ghi chú
	dụng nguồn kinh phí của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.						
6	Bố trí kinh phí thực hiện điều tra, kiểm kê rừng cấp tỉnh.	Tháng 10/2024	Tháng 10/2024	Sở Tài Chính.	Sở Nông nghiệp và PTNT.	Quyết định bố trí kinh phí hoặc văn bản của Sở Tài Chính ý kiến về khả năng, kế hoạch bố trí kinh phí làm cơ sở xây dựng và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	
7	Thực hiện thủ tục đấu thầu, lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện dự án điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Đắk Nông.	Tháng 11/2024	Tháng 01/2025	Sở Nông nghiệp và PTNT.	Đơn vị liên quan.	Lựa chọn được đơn vị tư vấn thực hiện theo quy định.	
8	Tổng hợp, cung cấp cho Sở Nông nghiệp và PTNT bản đồ ranh giới (dạng số; giấy) quản lý theo hồ sơ pháp lý giao đất, cho thuê đất các đơn vị chủ rừng nhóm II và nhóm I.	Tháng 7/2024	Tháng 10/2024	Sở Tài Nguyên và Môi trường; các đơn vị chủ rừng; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.	Sở Nông nghiệp và PTNT.	Bản đồ ranh giới các đơn vị quản lý.	
9	Rà soát chuẩn hóa bản đồ ranh giới (dạng số; giấy) quản lý theo hồ sơ pháp lý giao đất, cho thuê đất các đơn vị chủ rừng nhóm II và nhóm I.	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Sở Nông nghiệp và PTNT; Đơn vị tư vấn.	Sở Tài Nguyên và Môi trường; các đơn vị chủ rừng; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.	Rà soát, xác định những vị trí chồng lấn hoặc không có chủ quản lý.	
10	Thống nhất, xử lý nội dung về ranh giới đất được giao, cho thuê tại các chủ quản lý rừng trong trường hợp xảy ra chồng	Tháng 01/2025	Tháng 03/2025	Sở Tài nguyên và Môi trường.	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; các đơn	Làm rõ, thống nhất Phương án xử lý đối với những vị trí chồng lấn hoặc	

TT	Nội dung	Thời gian bắt đầu	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Ghi chú
	lần hoặc không xác định được chủ quản lý.				vị chủ rừng.	không có chủ quản lý.	
11	Tiếp nhận, kiểm tra bản đồ phân loại rừng theo mẫu khóa ảnh từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Theo Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		Sở Nông nghiệp và PTNT.	Các đơn vị chủ rừng; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa.	Bản đồ phân loại rừng theo mẫu khóa ảnh.	
12	Thực hiện điều tra rừng, bàn giao kết quả điều tra rừng, tài liệu phục vụ kiểm kê rừng cho các đơn vị để thực hiện kiểm kê rừng.	Tháng 01/2025	Tháng 07/2025	Đơn vị tư vấn; Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; các đơn vị chủ rừng.	Hồ sơ thành quả điều tra rừng, biên bản bàn giao.	
13	Các đơn vị thực hiện kiểm kê rừng, báo cáo kết quả; tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt kết quả kiểm kê rừng cấp xã, huyện. Hoàn thiện, lập hồ sơ quản lý rừng các cấp và các chủ rừng.	Tháng 07/2025	Tháng 10/2025	Các đơn vị chủ rừng; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; UBND cấp xã.	Sở Nông nghiệp và PTNT.	Báo cáo Kết quả kiểm kê rừng và hồ sơ liên quan; văn bản phê duyệt kết quả kiểm kê rừng cấp xã, cấp huyện; hồ sơ quản lý rừng.	
14	Tổng hợp, báo cáo, phê duyệt kết quả kiểm kê rừng cấp tỉnh.	Tháng 11/2025	Tháng 11/2025	Đơn vị tư vấn; Sở Nông nghiệp và PTNT.	UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; các đơn vị chủ rừng; Sở Tài Nguyên và Môi trường.	Hồ sơ quản lý rừng các cấp hành chính và theo chủ rừng; báo cáo, quyết định phê duyệt, công bố kết quả kiểm kê rừng.	